

Số: **114** /QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày **03** tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc
hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài
dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật
Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ
về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính
thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai, kiểm tra và định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ban Đối ngoại Trung ương;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Ngoại giao;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Báo Trà Vinh, Đài PT và TH Trà Vinh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội;
- Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh;
- Ban Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Các phòng, đơn vị thuộc VP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THNV. **04**

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Văn Hân

QUY CHẾ
**Quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển
chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài
dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**
(Kèm theo Quyết định số **114** /QĐ-UBND ngày **03** /02/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho các cơ quan, tổ chức được thành lập hợp pháp tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là viện trợ) nhằm mục đích phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ nhân đạo, không vì mục đích lợi nhuận, thương mại trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

2. Các đối tượng được tiếp nhận viện trợ là các tổ chức thành lập theo pháp luật Việt Nam; có chức năng, nhiệm vụ và hoạt động phù hợp với mục tiêu và nội dung của các khoản viện trợ tiếp nhận (sau đây gọi là Bên tiếp nhận) gồm:

a) Các cơ quan, tổ chức do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập hoặc các cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền quyết định thành lập hoặc cấp Giấy đăng ký hoạt động, kinh doanh.

b) Các hội, hiệp hội và các tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nguyên tắc cơ bản trong quản lý và sử dụng viện trợ

1. Nguyên tắc cơ bản trong quản lý và sử dụng viện trợ phải đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, có phân công, phân cấp, gắn quyền hạn với trách nhiệm, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ và phát huy tính chủ động của các cấp, các cơ quan quản lý ngành, địa phương, tổ chức và các đơn vị thực hiện.

2. Các khoản viện trợ khi được xây dựng và triển khai thực hiện phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và các cam kết với Bên tài trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trong trường hợp các quy định hoặc điều kiện viện trợ của Bên tài trợ khác với các quy định của pháp luật Việt Nam thì phải tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Không tiếp nhận các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài gây ảnh hưởng đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, xâm hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Chương II **VẬN ĐỘNG CÁC KHOẢN VIỆN TRỢ**

Điều 3. Công tác vận động viện trợ

1. Vận động viện trợ cho các mục tiêu phát triển được thực hiện trên cơ sở nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội cụ thể, chương trình đầu tư công cộng, định hướng và kế hoạch thu hút, sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ bên ngoài của tỉnh, các ngành và địa phương trong từng thời kỳ, trên cơ sở năng lực tiếp nhận (kể cả nguồn vốn đối ứng) của Bên tiếp nhận.

2. Vận động viện trợ cho các mục đích nhân đạo được thực hiện trên cơ sở tình hình xã hội và nhu cầu thực tế của Bên tiếp nhận trong từng thời kỳ.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh khuyến khích các cơ quan, đơn vị, địa phương và cá nhân chủ động tham gia vận động viện trợ.

4. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác quan hệ và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài và có các nhiệm vụ sau:

a) Chuẩn bị nội dung và tổ chức các hoạt động vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan làm việc với các Bên tài trợ nhằm vận động các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

5. Các tổ chức đề nghị viện trợ phi chính phủ nước ngoài có trách nhiệm phối hợp với Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư chuẩn bị đề cương chương trình, dự án hoặc hồ sơ viện trợ phi dự án để vận động tài trợ.

Chương III **CHUẨN BỊ, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT CÁC KHOẢN VIỆN TRỢ**

Điều 4. Chuẩn bị, xây dựng văn kiện chương trình, dự án hoặc hồ sơ viện trợ

1. Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, chuẩn bị chương trình, dự án hoặc hồ sơ viện trợ trên cơ sở kiến nghị của Chủ khoản viện trợ hoặc thành lập Ban chuẩn bị khoản viện trợ và phê duyệt quy chế tổ chức, hoạt động và các văn bản cần thiết khác đối với Ban chuẩn bị khoản viện trợ.

2. Nhiệm vụ của Chủ khoản viện trợ:

a) Làm đầu mối phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và Bên tài trợ trong quá trình lập văn kiện chương trình, dự án và (hoặc) hồ sơ viện trợ; đảm bảo tiến độ xây dựng, chất lượng, nội dung của văn kiện chương trình, dự án và hồ sơ viện trợ.

b) Tổ chức huy động các nguồn lực thích hợp cho việc chuẩn bị chương trình, dự án và hồ sơ viện trợ.

c) Lập kế hoạch chuẩn bị chương trình, dự án trình cơ quan chủ quản xem xét, phê duyệt.

d) Trong trường hợp cần thiết, kiến nghị với Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Ban chuẩn bị khoản viện trợ cũng như dự thảo quy chế tổ chức, hoạt động và các văn bản cần thiết khác đối với Ban chuẩn bị khoản viện trợ.

Điều 5. Vốn chuẩn bị các chương trình, dự án viện trợ

1. Đối với các chương trình, dự án sử dụng viện trợ thuộc nguồn thu của ngân sách Nhà nước, Chủ khoản viện trợ lập kế hoạch vốn chuẩn bị chương trình, dự án gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh lập kế hoạch vốn chuẩn bị để tổng hợp vào kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản hàng năm của tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và phân cấp của tỉnh.

2. Đối với các chương trình, dự án sử dụng viện trợ không thuộc nguồn thu của ngân sách Nhà nước thì Chủ khoản viện trợ tự cân đối và bố trí vốn chuẩn bị chương trình, dự án thống nhất với các quy định hiện hành.

3. Trường hợp nhà tài trợ cung cấp hỗ trợ tài chính để chuẩn bị chương trình, dự án, Chủ khoản viện trợ có trách nhiệm đưa nguồn vốn chuẩn bị chương trình, dự án vào tổng vốn chung của khoản viện trợ.

4. Các điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh:

Trong quá trình thực hiện chương trình, dự án, nếu có những điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, Chủ khoản viện trợ làm việc với Bên tài trợ và phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan chuẩn bị nội dung điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Đối với các chương trình, dự án phải kéo dài thời gian thực hiện hoặc đã thực hiện xong chương trình, dự án được phê duyệt mà cần thiết tiếp tục triển khai thực hiện, Chủ khoản viện trợ có trách nhiệm báo cáo tình hình đã triển khai thực hiện, đánh giá hiệu quả của chương trình, dự án đính kèm hồ sơ chương trình, dự án được xây dựng theo đúng quy định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt trước khi triển khai thực hiện.

Điều 6. Nội dung chủ yếu của văn kiện chương trình, dự án và hồ sơ viện trợ phi dự án

1. Văn kiện chương trình, dự án và văn kiện khoản viện trợ phi dự án được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục I, II, III ban hành kèm theo Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng

viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.

2. Đối với dự án viện trợ có nội dung đầu tư công, đầu tư xây dựng phải được xây dựng theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư công và đầu tư xây dựng công trình.

3. Hồ sơ khoản viện trợ phi dự án phải bao gồm các văn bản chủ yếu sau:

a) Văn bản đề nghị trình phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các khoản viện trợ phi dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, của cơ quan chủ quản hoặc Chủ khoản viện trợ (trong trường hợp cơ quan chủ quản trực tiếp quản lý) đối với các khoản viện trợ phi dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong đó có nêu các nội dung chủ yếu sau:

- Trị giá của khoản viện trợ phi dự án.
- Tính phù hợp của khoản viện trợ phi dự án với định hướng, kế hoạch dài hạn phát triển, nhu cầu cụ thể của tỉnh, địa phương.
- Phương thức tổ chức thực hiện và cơ chế phối hợp trong quá trình thực hiện.
- Khả năng đóng góp của tỉnh, địa phương, đặc biệt là nguồn vốn đối ứng để tiếp nhận và sử dụng viện trợ phi dự án.

b) Văn bản của Bên tài trợ thông báo hoặc cam kết xem xét tài trợ cho khoản viện trợ phi dự án đó. Đối với khoản hàng hoá đã qua sử dụng thì Bên tài trợ phải có văn bản xác nhận khoản hàng hoá đó còn hơn 80% giá trị sử dụng so với giá trị sử dụng mới.

c) Các văn bản ghi nhớ với Bên tài trợ; những cam kết, điều kiện tiên quyết và các điều kiện khác đối với khoản viện trợ của Bên tài trợ; nghĩa vụ và cam kết của Bên tiếp nhận.

d) Đối với các khoản viện trợ phi dự án thực hiện theo hình thức cung cấp chuyên gia, hồ sơ khoản viện trợ bao gồm: Các tài liệu nêu tại các điểm a, b, c, d khoản này; sơ lược lý lịch chuyên gia có cam kết chịu trách nhiệm đối với thông tin cung cấp của chuyên gia; chương trình hoạt động; Giấy phép lao động và các giấy tờ pháp lý về hoạt động chuyên môn của chuyên gia theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Hồ sơ khoản viện trợ được lập thành 06 bộ, các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch tiếng Việt đã được công chứng kèm theo.

Điều 7. Thẩm định khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy chế này, Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chủ trì tổ chức thẩm định.

2. Quy trình thẩm định thực hiện theo quy định tại khoản c Điều 10 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Tùy thuộc vào quy mô, tính chất và nội dung của khoản viện trợ, cơ quan chủ trì thẩm định tổ chức thẩm định bằng hình thức tổng hợp ý kiến hoặc tổ chức hội nghị thẩm định. Ý kiến kết luận của cơ quan chủ trì thẩm định là cơ sở để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phê duyệt tiếp nhận khoản viện trợ.

Trong trường hợp khoản viện trợ không đủ điều kiện tiếp nhận, cơ quan chủ quản thông báo cho bên cung cấp viện trợ về quyết định không tiếp nhận viện trợ.

Điều 8. Hồ sơ thẩm định, báo cáo thẩm định và thời hạn thẩm định khoản viện trợ

1. Hồ sơ thẩm định gồm:

a) Văn bản trình phê duyệt của:

- Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

- Cơ quan chủ quản hoặc Chủ khoản viện trợ (trong trường hợp cơ quan chủ quản trực tiếp quản lý) đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Văn bản của Bên tài trợ thống nhất với nội dung khoản viện trợ và thông báo hoặc cam kết xem xét tài trợ cho khoản viện trợ đó.

c) Dự thảo văn kiện chương trình, dự án, danh mục các khoản viện trợ phi dự án (bằng cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài) và dự thảo Thỏa thuận viện trợ cụ thể (nếu được yêu cầu để ký kết thay văn kiện chương trình, dự án sau này).

d) Toàn bộ văn bản góp ý của các cơ quan, đơn vị có liên quan về khoản viện trợ.

đ) Các văn bản ghi nhớ với Bên tài trợ, báo cáo của đoàn chuyên gia thẩm định thực hiện theo yêu cầu của nhà tài trợ (nếu có).

e) Bản sao Giấy đăng ký hoạt động và (hoặc) bản sao giấy tờ hợp pháp về tư cách pháp nhân của Bên tài trợ.

2. Nội dung chính của báo cáo thẩm định phải bao gồm đầy đủ các nội dung quy định chi tiết tại mục a, b, c, d, đ, e khoản 5 Điều 10 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

3. Thời hạn thẩm định đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh được quy định thời hạn thẩm định không quá 20 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Điều 9. Quy trình và thời hạn hoàn thiện hồ sơ khoản viện trợ sau thẩm định

1. Khi khoản viện trợ đủ điều kiện phê duyệt, Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt khoản viện trợ đối với khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Trường hợp khi khoản viện trợ chưa đủ điều kiện phê duyệt, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi báo cáo kết quả thẩm định tới cơ quan chủ quản và Chủ khoản viện trợ nêu rõ những vấn đề cần bổ sung, điều chỉnh hoặc giải trình và quy định thời hạn cụ thể hoàn thiện hồ sơ khoản viện trợ. Cơ quan chủ quản có trách nhiệm chỉ đạo Chủ khoản viện trợ tiến hành các công việc nêu trên trong thời hạn quy định tại báo cáo thẩm định. Trong trường hợp việc hoàn thiện hồ sơ khoản viện trợ hoặc giải trình bổ sung không tiến hành kịp trong thời gian quy định tại báo cáo thẩm định, Chủ khoản viện trợ cần có văn bản báo cáo với cơ quan chủ quản và Sở Kế hoạch và Đầu tư để làm rõ lý do và thống nhất các giải pháp phù hợp tiếp theo.

Chương IV **KÝ KẾT CÁC KHOẢN VIỆN TRỢ**

Điều 10. Đàm phán và ký kết viện trợ phi chính phủ nước ngoài

Chủ khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài chịu trách nhiệm phối hợp với Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan chuẩn bị nội dung văn kiện chương trình, dự án hoặc Thỏa thuận viện trợ phi chính phủ nước ngoài để thực hiện việc đàm phán và ký kết với Bên tài trợ. Việc ký kết văn kiện chương trình, dự án hoặc Thỏa thuận viện trợ phi chính phủ nước ngoài chỉ tiến hành sau khi văn kiện chương trình, dự án hoặc bản dự thảo Thỏa thuận viện trợ phi chính phủ nước ngoài đã được cấp có thẩm quyền của Việt Nam phê duyệt.

Trong trường hợp Bên tài trợ yêu cầu ký kết chính thức Thỏa thuận viện trợ phi chính phủ nước ngoài với Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài chịu trách nhiệm phối hợp với Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị có liên quan chuẩn bị nội dung Thỏa thuận viện trợ phi chính phủ nước ngoài để thực hiện việc đàm phán với Bên tài trợ và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét việc ký kết Thỏa thuận viện trợ phi chính phủ nước ngoài phù hợp với các quy định hiện hành.

Chương V **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 11. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối quản lý các chương trình, dự án viện trợ và có các nhiệm vụ sau:

1. Tổng hợp kế hoạch giải ngân nguồn vốn ngân sách đối ứng hàng năm và phối hợp với Sở Tài chính cân đối và bố trí đầy đủ, kịp thời nguồn vốn đối ứng cho các chương trình, dự án viện trợ.

2. Phối hợp các ngành, các cấp thực hiện việc theo dõi, đánh giá và kiểm tra tình hình thực hiện của các chương trình, dự án viện trợ. Báo cáo tổng hợp tình hình chung về quản lý và thực hiện các chương trình, dự án viện trợ.

3. Phối hợp với Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn cho các tổ chức tiếp nhận viện trợ xây dựng đề xuất chương trình, dự án làm cơ sở cho việc vận động viện trợ.

4. Hướng dẫn và phổ biến các tài liệu nghiệp vụ về chuẩn bị, quản lý, thực hiện, theo dõi và đánh giá các chương trình, dự án viện trợ cho các đơn vị có liên quan và Chủ khoản viện trợ.

Điều 12. Sở Tài chính

Sở Tài chính chịu trách nhiệm quản lý Nhà nước về tài chính đối với viện trợ và có các nhiệm vụ sau:

1. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc cân đối và bố trí vốn đối ứng từ nguồn ngân sách hàng năm cho các Chủ khoản viện trợ thuộc đối tượng được cấp ngân sách để tiếp nhận và thực hiện các khoản viện trợ.

2. Hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các chế độ quản lý tài chính Nhà nước đối với việc sử dụng viện trợ.

3. Thực hiện xác nhận viện trợ và hạch toán ngân sách đối với khoản viện trợ cho ngân sách địa phương; phối hợp với Bộ Tài chính trong việc hạch toán ngân sách đối với khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương. Báo cáo tổng hợp tình hình thực tế tiếp nhận các khoản viện trợ trên địa bàn tỉnh trên cơ sở báo cáo của các Chủ khoản viện trợ.

4. Tham gia thẩm định và góp ý kiến đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 13. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh

Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh là cơ quan đầu mối trong công tác quan hệ và vận động viện trợ và có các nhiệm vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác tiếp xúc, quan hệ, vận động, đàm phán, ký kết, tiếp nhận và sử dụng viện trợ của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổ chức các hoạt động vận động viện trợ.

3. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện tiếp nhận và quản lý viện trợ trên địa bàn tỉnh.

4. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch vận động hàng năm và chiến lược vận động viện trợ 05 năm, 10 năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

5. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan, đơn vị có liên quan khác tổ chức theo dõi, giám sát và đánh giá việc thực hiện nguồn viện trợ trên địa bàn tỉnh.

6. Phối hợp với Công an tỉnh quản lý hoạt động của các tổ chức trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Ủy ban Công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài cấp, gia hạn, sửa đổi và bổ sung Giấy đăng ký lập Văn phòng dự án, Giấy đăng ký hoạt động cho các tổ chức.

Điều 14. Công an tỉnh

1. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh những vấn đề liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên lĩnh vực viện trợ và hoạt động viện trợ trên địa bàn tỉnh.

2. Hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị, tổ chức trên địa bàn tỉnh trong quá trình tiếp nhận, sử dụng các khoản viện trợ thực hiện đúng các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

3. Thực hiện việc quản lý nhập, xuất cảnh, cư trú, đi lại đối với người nước ngoài vào làm việc cho các tổ chức đến tỉnh hoạt động hỗ trợ.

4. Tham gia thẩm định và góp ý kiến đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Tham gia giám sát việc tiếp nhận và sử dụng viện trợ, đặc biệt chú trọng tới khía cạnh tác động đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội của việc tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

6. Tiến hành các nhiệm vụ theo thẩm quyền khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật liên quan tới việc tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

Điều 15. Các sở, ban, ngành có liên quan

1. Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước theo chuyên ngành, giải quyết các kiến nghị của các Chủ khoản viện trợ thuộc thẩm quyền xử lý của ngành trong thời hạn được quy định. Bố trí nhân sự thực hiện công tác theo dõi về viện trợ phi chính phủ nước ngoài để đảm bảo yêu cầu quản lý Nhà nước.

2. Đôn đốc, kiểm tra, giám sát các đơn vị thuộc sở, ban, ngành tiếp nhận và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài theo đúng các quy định hiện hành.

3. Tổng hợp báo cáo định kỳ 06 tháng, cả năm và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư về các khoản viện trợ thuộc ngành quản lý.

4. Tham gia phối hợp thẩm định các khoản viện trợ liên quan ngành quản lý.

5. Kho bạc Nhà nước tỉnh, Ngân hàng Thương mại (nơi Chủ chương trình, dự án hoặc phi dự án sử dụng vốn viện trợ phi chính phủ nước ngoài mở tài khoản) thực hiện cấp phát theo quy định hiện hành và báo cáo kết quả giải ngân định kỳ tháng, quý, 06 tháng, năm.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, khó khăn cần thay đổi, bổ sung, các ngành các cấp, đơn vị có văn bản góp ý để Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.